

Bản án số: 760/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2020

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Tiến Dũng
- Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1972

Thường trú: đường N, khu phố H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Xuân C, sinh năm 1971

Thường trú: đường N, khu phố H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Bà Trần Thị N và ông Phạm Xuân C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2006. Ban đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C thay đổi, không chăm lo cuộc sống gia đình mà nhiều lần cờ bạc gây nợ nần, cả gia đình phải làm việc để kiếm tiền trả nợ. Mặc dù gia đình có khuyên nhủ nhưng ông C vẫn không thay đổi. Bà N vừa phải lo cho gia đình, lo các con đi học, vừa đi làm để trả nợ do ông C gây ra. Đến năm 2015, sau khi trả hết nợ nần thì quan hệ vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Năm 2017, bà N đã từng nộp đơn ly hôn nhưng sau đó bà N rút đơn để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng tính tình ông C không thay đổi. Nay, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Phạm Xuân C có 03 con chung tên Phạm Xuân T, sinh ngày 25/6/1994, Phạm Nhật T, sinh ngày 06/5/1996, Phạm Diễm K, sinh ngày 05/12/1997, đều đã thành niên.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Phạm Xuân C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn đúng như bà N trình bày. Ông C xác định hôn nhân không hạnh phúc là do lỗi của ông C. Nay ông C không đồng ý ly hôn, ông C yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Xuân T, sinh ngày 25/6/1994, Phạm Nhật T, sinh ngày 06/5/1996, Phạm Diễm K, sinh ngày 05/12/1997, đều đã thành niên.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Tại phiên tòa:

Bà Trần Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông C; Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Phạm Xuân C có 03 con chung tên Phạm Xuân T, sinh ngày 25/6/1994, Phạm Nhật T, sinh ngày 06/5/1996, Phạm Diễm K, sinh ngày 05/12/1997, đều đã thành niên; Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Ông Phạm Xuân C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Xuân C. Bị đơn ông C đang cư trú tại đường N, khu phố H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn ông C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Phạm Xuân C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/01/2006 và được Ủy ban nhân dân xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2006. Do đó, căn cứ

Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Ông C cũng xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng cũng là do lỗi của ông C. Ông C yêu cầu được đoàn tụ gia đình nhưng bà N không đồng ý. Bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà N đã rút đơn ly hôn một lần để cho ông C thay đổi nhưng ông C không thay đổi.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc đoàn tụ gia đình phải xuất phát từ sự tự nguyện của vợ và chồng. Phía bà N đã cương quyết yêu cầu ly hôn với ông C. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà N và ông C đã thật sự trầm trọng, khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

- Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Phạm Xuân C có 03 con chung tên Phạm Xuân T, sinh ngày 25/6/1994, Phạm Nhật T, sinh ngày 06/5/1996, Phạm Diễm K, sinh ngày 05/12/1997, đều đã thành niên.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn nên bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Phạm Xuân C.

1.2 Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Phạm Xuân C có 03 con chung tên Phạm Xuân T, sinh ngày 25/6/1994, Phạm Nhật T, sinh ngày 06/5/1996, Phạm Diễm K, sinh ngày 05/12/1997, đều đã thành niên.

1.3 Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0056757 ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Phạm Xuân C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TPHCM;
- Đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-Nguyễn Thị Phương Châu